

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 5 - 2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Ông Trần Văn C, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/12/2019, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà và ông Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 1975, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà thường xuyên bị ông C uống rượu say và về nhà

đánh đập, hành hung bà. Do không thể chung sống được với nhau nên ông, bà ly thân nhau từ năm 2004 đến nay.

Về con chung: Ông, bà có 07 người con chung (lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1993) đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hơn nữa trong thời gian ly thân ông C tiếp tục hăm dọa đánh bà. Vì vậy, để tránh sự việc xấu xảy ra, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông C vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Đ với ông C thấy rằng bà Đ và ông C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1975, mặc dù ông, bà không có đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định nhưng căn cứ vào khoản 4 Nghị quyết 35/2000/QH.10 khoản 4 Điều 2 thông tư số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận bà Đ và ông C là vợ chồng trên cơ sở xác lập hôn nhân thực tế và áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2.2] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà Đ, sau khi chung sống với nhau giữa ông và bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C thường xuyên đi nhậu về và kiêu chuyên, gây gổ, đòi đánh bà. Ông, bà đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết, ông C đã được Tòa án thông báo để tham gia tố tụng tại

Tòa nhưng ông không nhận các thông báo, không tham gia để biết ý kiến của ông. Tuy nhiên tại Tòa, có chị H là con của bà Đ, ông C đã xác nhận bà Đ và ông C có mâu thuẫn với nhau do ông C thường xuyên uống rượu và kiếm chuyện, hành hung, ngăn cản không cho bà Đ làm ăn.

Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà Đ với ông C là trầm trọng, thời gian ly thân đã kéo dài, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông C không tham gia hòa giải đoàn tụ chứng tỏ ông C không có mong muốn, không có thiện chí muốn được hàn gắn, nếu để tình trạng ông, bà kéo dài cũng không có khả năng hàn gắn hôn nhân của ông, bà. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông C là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

[2.4] Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Đ và ông Trần Văn C.
2. Về nuôi con chung: đã trưởng thành nên không xem xét
3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.
4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001440 ngày 14/02/2209 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Đ đã nộp đủ án phí.
5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Thọ